TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07/9/2017
V/v "Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tú

Bà Đồng Thị Thanh Hương

- *Thư ký phiên toà*: Bà Tống Thị Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tinh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/ 2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Vân A, sinh năm 1992

ĐKHKTT: Thôn Th, xã P, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ đang ở: Số nhà xx, ngõ xxx, đường T, phố S, phường B, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Th, xã P, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị A có mặt, Anh Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 01 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã P, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chúng tôi sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Th, xã P. Cuộc sống hôn nhân của tôi không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không quan tâm đến mẹ con tôi, không tu chí làm ăn, thường xuyên chời bời cờ bạc, dẫn đến việc mấy lần cắm xe máy của tôi và của mẹ tôi. Tôi đã cố gắng cùng bố mẹ chồng khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh Q đi làm ở xa thỉnh thoảng mới về nhà nhưng cũng không quan tâm đến tôi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, tháng 5 năm 2017 tôi đưa con về ở cùng bố mẹ đẻ tôi, và tôi sống ly thân với anh Q từ đó cho đến nay. tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Q.

Về con chung: Tôi và anh Q có một con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2015. Hiện tại cháu đang ở với tôi, tôi có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Vì vậy tôi khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được nuôi cháu B. Anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không thực hiện được việc tống đạt giấy triệu tập cho anh Q. Căn cứ quy định tại Khoản 5, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã giao giấy triệu tập đối với anh Q cho bố đẻ anh Q. Tuy vậy anh Q không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Vân A.

Tại biên bản làm việc ngày 20 tháng 6 năm 2017 ông Nguyễn Văn K và bà Vũ Thị N là bố mẹ đẻ của anh Q trình bày: Gia đình tôi và Q đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do Q đi làm ăn ở xa, 15 đến 20 ngày mới về nhà một lần, mỗi lần về không được lâu lại đi nên không đến tòa án làm việc theo giấy triệu tập được. Chúng tôi sẽ nói để Q sắp xếp thời gian đến tòa tham gia hòa giải. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa Q và Vân A chủ yếu là do kinh tế, Q đi làm xa nên có hai lần cắm xe để lấy tiền tiêu, trong đó có một lần mượn xe của mẹ vợ cắm lấy tiền. Gia đình chúng tôi cũng khuyên bảo cháu Vân A về đoàn tụ nhưng Vân A không

đồng ý. Hiện tại Vân A và cháu nội tôi không ở cùng với chúng tôi nữa. Chúng tôi đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng Q về đoàn tụ, nếu không hòa giải được thì tùy các cháu quyết định và Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 20 tháng 6 năm 2017 ông Dương Văn Đ, trưởng thôn Th, xã P trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Q và chị Vân A tôi không được biết, trước khi gửi đơn đến Tòa án, chị Vân A có đơn đề nghị, chính quyền địa phương đã bố trí hòa giải nhưng anh Q vắng mặt, chị Vân A kiên quyết muốn ly hôn nên buổi hòa giải không thành. Về điều kiện nuôi con tôi không biết điều kiện kinh tế của hai bên. Hiện tại anh Q đang ở cùng bố mẹ đẻ và đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị Vân A theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Vân A đề nghị Tòa án không hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã làm thủ tục theo tố tụng dân sự và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định ngày mở phiên tòa nhưng anh Q không có mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đặng Thị Vân A vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bầy và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Q; giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc; buộc anh Q phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị theo phương thức định kỳ hằng tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2017 đến khi cháu B đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ Luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đặng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn Q; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2015 cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Vân A từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2017 đến khi cháu B đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống; Chị Vân A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình ngày 27 tháng 01 năm 2015. Hôn nhân giữa chị Vân A và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Q không chăm lo cho cuộc sống gia đình, do ham chơi, anh Q đã nhiều lần cắm xe máy để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Chị Vân A và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị Vân A đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2017, chị sống ly thân từ đó cho đến nay, chị không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của anh Q nữa. Xét thấy chị Vân A và anh Q chưa thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình đó là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án tình trạng vợ chồng không được cải thiện vì hai bên không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Anh Q không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Như vậy, đã thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Vân A và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Vân A, xử cho chị Vân A được ly hôn với anh Q.

[2] Về con chung: Chị Đặng Thị Vân A và A Nguyễn Văn Q có một con chung tên cháu là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2015. Hiện tại cháu B dưới 36 tháng tuổi, chị Vân A đang chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu B cho chị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu B, đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Vân A và bố mẹ anh Q đều xác định anh Q làm nghề tự do. Do vậy, căn cứ vào năng lực thực tế của anh Q và nhu cầu thiết yếu của cháu B. Cần buộc anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Vân A theo phương thức định kỳ hàng tháng, số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10 năm 2017 đến khi cháu B đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đặng Thị Vân A xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị Vân A phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Đều 228; Khoản 1, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Vân A về việc "Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với anh Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử ly hôn giữa chị Đặng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2015, đến khi cháu B đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng tiền cho con: Buộc anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị Vân A theo phương thức định kỳ hằng tháng, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 10 năm 2017, đến khi cháu Nguyễn Gia B đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đặng Thị Vân A xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị Vân A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị Vân A đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố NB, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000487 ngày 14 tháng 5 năm 2017.

Anh Nguyễn Văn Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm chị Đặng Thị Vân A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKS ND TP.Ninh Bình;
- Chi cục THADSTP.Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Thị Tuyết